

CHUẨN ĐẦU RA VỀ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHO TRẺ 5-6 TUỔI SAU 3 NĂM LÀM QUEN TIẾNG ANH TRONG TRƯỜNG MẦM NON

NGUYỄN MINH TUẤN*

Ngày nhận bài: 15/08/2017; ngày sửa chữa: 24/08/2017; ngày duyệt đăng: 25/08/2017.

Abstract: Graduation standard is one of key factors determining the quality of an education curriculum or educational activities. However, there are few studies or official documents on identifying English competence of preschool children who familiarize with English at kindergarten. The paper discusses some principles in building standards of English competence and proposes standards of English competence for children aged 5 to 6 after three years familiarizing with English at kindergartens.

Keywords: English, English competence, standards, learning outcomes, preschoolers.

1. Đặt vấn đề

Xây dựng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ đóng vai trò quyết định, mang tính định hướng chiến lược cho hàng loạt các công tác khác trong GD-ĐT như: xây dựng chính sách; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu; nghiên cứu áp dụng phương pháp giảng dạy kiểm tra đánh giá; chuẩn hóa đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lí; chuẩn bị cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và nguồn học liệu; xây dựng môi trường học tập...

Đã có nhiều công trình nghiên cứu và văn bản hướng dẫn có tính pháp lí mang định hướng cao đối với việc xây dựng chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ, song mới chỉ phổ biến áp dụng đối với người học là học sinh, sinh viên và học viên... ở các bậc học từ tiểu học trở lên.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi mong muốn chia sẻ một số nguyên tắc cũng như kinh nghiệm trong việc xây dựng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ tiếng Anh, và thử đề xuất chuẩn đầu ra về năng lực tiếng Anh cho trẻ 5-6 tuổi sau 3 năm làm quen tiếng Anh trong trường mầm non.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở pháp lí trong việc xác định chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ

Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đã mô tả tổng quát năng lực ngoại ngữ áp dụng đối với người Việt Nam ở 6 bậc như sau:

2.2. Nguyên tắc vận dụng Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong xác định chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được phát triển trên cơ sở tham chiếu, ứng

dụng Khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu (CEFR) và một số khung trình độ tiếng Anh của các nước, kết hợp với tình hình và điều kiện thực tế dạy, học và sử dụng ngoại ngữ ở Việt Nam. Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được chia làm 3 cấp (Sơ cấp, Trung cấp và Cao cấp) và 6 bậc (từ bậc 1-6) tương thích với các bậc từ A1 đến C2 trong CEFR (Trích Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014).

Cả hai khung năng lực trên đều cung cấp những định hướng rất quan trọng, song chỉ giới hạn ở tính khái quát hơn là những hướng dẫn chi tiết hay những “công thức” cụ thể, giản đơn và có thể áp dụng được ngay [1]. Việc vận dụng khung năng lực cần phải linh hoạt trên cơ sở nắm vững hai nguyên tắc sau:

- **Nguyên tắc 1: Chuẩn đầu ra phải phù hợp với bối cảnh thực tế.** Bằng cách “nêu câu hỏi hơn là trả lời câu hỏi cụ thể” [1], khung năng lực nhấn mạnh đến vai trò của bối cảnh cụ thể nơi được áp dụng. Chúng ta đặt các câu hỏi được nêu trong khung năng lực vào điều kiện, nhu cầu thực tế của cơ sở đào tạo, nhu cầu và năng lực của người học và yêu cầu của xã hội để tìm ra câu trả lời.

Ví dụ, bảng miêu tả tổng hợp của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam đã miêu tả Bậc 3 như sau: “Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí...”. Thực chất, bảng miêu tả đã nêu câu hỏi để chúng ta tự tìm câu trả lời: “các chủ đề quen thuộc trong công việc (của người học) là gì?” Câu trả lời phụ thuộc vào từng người học hay nhóm người học cụ thể.

* Trưởng Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Các bậc		Mô tả tổng quát
Sơ cấp	Bậc 1	Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.
	Bậc 2	Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.
Trung cấp	Bậc 3	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lí do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.
	Bậc 4	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kĩ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
Cao cấp	Bậc 5	Có thể hiểu và nhận biết được hàm ý của các văn bản dài với phạm vi rộng. Có thể diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết.
	Bậc 6	Có thể hiểu một cách dễ dàng hầu hết văn nói và viết. Có thể tóm tắt các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại thông tin và trình bày lại một cách logic. Có thể diễn đạt tức thì, rất trôi chảy và chính xác, phân biệt được các ý nghĩa tinh tế khác nhau trong các tình huống phức tạp.

Không phải tất cả các miêu tả trong khung năng lực đều phù hợp với bối cảnh thực tế; ngược lại, nhiều hoặc rất nhiều chi tiết (là yêu cầu quan trọng đối với người học) lại không được đề cập đến trong khung năng lực [2].

Việc thực tế hóa khung năng lực trong xác định chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ cần phải được đặt trong mục đích chung của chương trình GD-ĐT. Năng lực ngoại ngữ của người học phải hướng đến và góp phần tạo nên chuẩn đầu ra của chương trình GD-ĐT đó. Như vậy, trong khi xét đến bối cảnh áp dụng khung năng lực, đáp ứng mục đích của một chương trình GD-ĐT cụ thể là yếu tố mang tính quyết định.

- Nguyên tắc 2: Chuẩn đầu ra phải gắn liền với kết quả học tập cụ thể: Thực tế cho thấy hoạt động dạy học ngoại ngữ chỉ có thể đạt được kết quả cao nhất khi gắn liền với đích đến là một quả học tập cụ thể [2], ví dụ: vượt qua một bài thi hoặc đạt được mốc điểm cụ thể của một bài thi uy tín, chuẩn mực.

Việc quy đổi tương đương giữa các bài thi quốc tế với các bậc của chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ có thể góp phần hữu hiệu trong nhằm cụ thể hóa các tiêu chí cần đạt. Trong số các bài thi xác định trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh đang được sử dụng, hệ thống bài thi của Hội đồng Khảo thí Tiếng Anh Quốc tế Cambridge, Anh Quốc (Cambridge English Language Assessment - ELA) luôn được đánh giá là có giá trị chuyên môn cao.

Khác với bài thi IELTS và TOEFL, các bài thi thuộc hệ thống của Cambridge ELA được thiết kế để xác định riêng từng bậc trong khung trình độ, cụ thể như sau:

Bậc 4 (B2): Bài thi First Certificate of English (FCE) (trong giải điểm đạt); Bậc 3 (B1): Bài thi Preliminary English Test (PET) (trong giải điểm đạt); Bậc 2 (A2): Bài thi Key English Test (KEY) (trong giải điểm đạt); Bậc 1 (A1): Bài thi Key English Test (trong giải điểm "cận đạt").

Trình độ Tiếng Anh cho trẻ em: các bài thi Starters, Movers, Flyers.

Tương tự như vậy, chúng ta có thể tham khảo tiêu chí đánh giá của các bài thi để cụ thể hóa chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ. Ví dụ về kĩ năng phát âm, bài thi FCE (B2) có tiêu chí đánh giá như sau:

- Is intelligible.
- Intonation is generally appropriate.
- Sentence and word stress is generally accurately placed.
- Individual sounds are generally articulated clearly.

(Trích Cambridge First Certificate of English - Handbook for teachers for exams from 2015, Cambridge Press, 2015)

Tham khảo từ tiêu chí đánh giá trên, chúng ta có thể xác định được nội dung trọng tâm liên quan đến kĩ năng phát âm của người học là: kĩ năng sử dụng ngữ

điều phù hợp, xác định chính xác trọng âm câu, trọng âm từ và khả năng thực hành phát âm các âm đơn lẻ [3]. Đồng thời, chúng ta cũng xác định mức độ họ cần đạt được ứng với mỗi nội dung trên.

Một kinh nghiệm hữu ích nữa trong việc xác định chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh là tham khảo hệ thống từ vựng đối với mỗi bài thi [4]. Ví dụ, ở trình độ Bậc 3 (B1) người học cần tích lũy những từ vựng sau:

(Trích Vocabulary list for Preliminary English Test (PET), Cambridge Press 2009)

T	
<ul style="list-style-type: none"> table (n) table-cloth (n) table-tennis (n) tablet (n) take (v) 	<ul style="list-style-type: none"> • to tell someone something • to tell someone to do something • you can't always tell temperature (n) <ul style="list-style-type: none"> • to have a temperature • air temperature temporary (adj) tennis (n)

Các chủ đề, chủ điểm thực hành giao tiếp (kèm theo từ vựng cơ bản) cũng có thể được tham khảo từ các tài liệu trên:

Hobbies and Leisure

barbecue	cruise	hang out	painting
camera	dancing	hire	picnic
camp	doll	jogging	playground
camping	drawing	join in	playing cards
campsite	facilities	keen on	quiz
chess	fan	member(ship)	sculpture

(Trích Vocabulary list for Preliminary English Test (PET), Cambridge Press 2009)

2.3. Đề xuất chuẩn đầu ra về năng lực tiếng Anh đối với trẻ 5-6 tuổi sau 3 năm làm quen tiếng Anh trong trường mầm non

Trên cơ sở nghiên cứu các quy tắc nêu trên, để xây dựng chuẩn đầu ra về năng lực tiếng Anh đối với trẻ 5-6 tuổi sau 3 năm làm quen tiếng Anh trong trường mầm non, chúng tôi đã nghiên cứu, tham khảo những tài liệu sau:

- Chương trình giáo dục mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng GD-ĐT, và được sửa đổi bổ sung, ban hành kèm theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016).

- Các chương trình thí điểm cho trẻ làm quen tiếng Anh trong trường mầm non được Sở GD-ĐT Hà Nội phê duyệt năm 2016 và 2017.

- Chương trình thí điểm Tiếng Anh tiểu học (ban hành kèm theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 1/8/2010).

2.3.1. Chuẩn đầu ra về kỹ năng nghe-nói

- *Có thể nghe - nói để nói về bản thân, nhờ trợ giúp, chia sẻ ý kiến*: + Nói được về nhu cầu của bản thân (xin mượn đồ vật, nhờ lấy nước khi khát, xin phép ra ngoài...); + Trao đổi được với bạn hoặc người lớn (giáo viên, cha mẹ) khi chơi các trò chơi, kể cả các trò chơi cần trí tưởng tượng; + Diễn kịch, đóng vai/nhập vai (nói chuyện với

thú rối, đóng vai nhân vật kể chuyện theo tranh...); + Sử dụng được nhiều loại ngôn ngữ khác nhau (kể chuyện, đọc thơ, giao tiếp thông thường...).

- *Có thể tham gia và duy trì vào hoạt động nghe - nói trong giao tiếp như chia sẻ ý kiến, kể chuyện, chơi trò chơi...*: + Chủ động, nhiệt tình/hào hứng tham gia hoạt động giao tiếp trong lớp như đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, phỏng đoán, thể hiện cảm xúc, chia sẻ ý kiến, tạo ra các kết nối cá nhân...; + Nghe và trả lời được câu hỏi trong tình huống cụ thể; + Đưa ra ý kiến phù hợp/liên quan đến chủ đề/tình huống giao tiếp đang diễn ra; + Miêu tả, kể lại được câu chuyện tương tự theo câu chuyện ví dụ; + Sắp xếp được các diễn đạt đơn giản theo trình tự logic; + Nghe và nhắc theo (giáo viên) khi nghe kể chuyện, một phần của câu chuyện, bài thơ, văn vắn...

- *Thể hiện/sử dụng được ngôn ngữ giao tiếp xã hội trong giao tiếp tích cực với người khác và giải quyết tình huống*: + Bắt đầu biết sử dụng các mẫu câu giao tiếp "lịch sự" trong giao tiếp như chào hỏi, cảm ơn, xin phép, xin lỗi, đề nghị...; + Thường xuyên thể hiện được phép lịch sự khi cần gây sự chú ý như cách thức bắt đầu nói, giơ tay trước khi nói, chờ đến lượt nói, không ngắt lời...; + Sử dụng ngôn ngữ (thay cho hành động) trong "giải quyết" tình huống; + Bắt đầu phân biệt được ngôn ngữ dùng trong các hoàn cảnh khác nhau (như đối với bạn, đối với cô giáo...); + Bắt đầu cảm nhận được ngôn ngữ có tính biểu cảm; hiểu và có thái độ đối với ngôn ngữ có thể gây tổn thương, không công bằng đối với người khác.

- *Có kỹ năng lắng nghe*: + Hiểu được các lí do khi nghe (nghe khi cô giáo kể chuyện, khi học từ mới, khi chia sẻ ý kiến, khi vui đùa...); + Duy trì nghe tập trung được trong thời gian đủ dài (nghe kể chuyện, hướng dẫn trò chơi...); + Đáp lại từ những gợi ý (bằng lời nói, học dấu hiệu...); + Đặt ra câu hỏi/đưa ra nhận xét, lời nói phù hợp đối với những gì đang nghe được; + Biết hỏi khi cần giải thích khi chưa nghe rõ, chưa nghe hiểu được nội dung; + Theo được các hướng dẫn đơn giản (hướng dẫn 2 bước ngắn); + Bắt đầu sử dụng được ngôn ngữ cơ thể hợp lí khi giao tiếp;

- *Có kỹ năng nói tích cực*: + Hiểu được các lí do khi cần nói (chia sẻ ý kiến, đặt câu hỏi, chào hỏi, nhờ giúp đỡ...); + Tham gia và duy trì được giao tiếp ở chủ đề ngắn quen thuộc; + Biết đưa ra/nhận ra các dấu hiệu lượt lời khi nói chuyện; không ngắt lời người khác; + Bắt đầu biết điều chỉnh/ sử dụng giọng điệu, ngữ điệu, độ to nhỏ (âm lượng) phù hợp; + Nói rõ và liên mạch được câu hoàn chỉnh, kết hợp với các câu ngắn, cụm từ phù hợp.

- *Có thể giải thích, truy hỏi và so sánh*: + Sử dụng được lời nói để giải thích, miêu tả đơn giản (về việc đang làm, về bức tranh đang vẽ...); + Sử dụng được lời nói để

giải thích rõ hơn ý kiến của mình (tự sửa, bổ sung, làm rõ ý của mình...); + Đặt câu hỏi để tìm hiểu; + Phân biệt được nội dung mang tính tưởng tượng (truyện cổ tích, thần tiên, phim hoạt hình...) và đời thực; + Hiểu và nói được về “nguyên nhân” - “kết quả” (nếu ... thì...); + So sánh được phỏng đoán và thực tế (trong hoạt động trò chơi, kể chuyện...);

- *Hứng thú với việc làm quen tiếng Anh*: + Hứng thú, hào hứng sử dụng từ mới học (cố gắng phát âm theo cô giáo từ mới học, cố gắng sử dụng cấu trúc mới, đọc theo các bài văn vần, hát, đọc thơ...); + Bắt đầu cố gắng sử dụng các từ có tính miêu tả, trừu tượng...; + Hứng thú trong việc phân biệt các từ gần giống nhau (desk, table, pen, pencil...); + Cố gắng sử dụng các câu nói trong các vở kịch đang tập, câu chuyện vừa được nghe... vào giao tiếp thực tế;

2.3.2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng “đọc”, “viết”

- *Hiểu được mối liên hệ giữa chữ viết và lời nói*: + Hiểu được là có thể “nói” (đọc) từ những chữ viết (những gì được viết ra) + Nói được hoặc diễn tả được ý nghĩa/nội dung của các kí hiệu chữ viết quen thuộc (biển báo, thẻ chữ...); + Kết nối được tranh ảnh, minh họa... với chữ viết; + Chỉ được vào mặt chữ khi đọc/xem hay nghe người khác (cô giáo, bạn) đọc.

- *Tô chữ và đọc lại được chữ vừa tô*: + Tô chữ và đọc lại được chữ vừa tô và có thể hiểu được nghĩa/nội dung; + Ghép được chữ cái, hoặc biểu tượng chữ cái có nghĩa (theo từ, cấu trúc đã học, quen thuộc).

3. Kết luận

Xây dựng chuẩn đầu ra nói chung, chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ nói riêng là một quá trình vận động theo thời gian - không mang tính bất định. Một mặt chuẩn đầu ra tuân theo định hướng chung được miêu tả trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Mặt khác ứng với mỗi chương trình GD-ĐT, điều kiện triển khai GD-ĐT cụ thể, nhóm đối tượng người học cụ thể, việc xây dựng chuẩn đầu ra cần linh hoạt trong việc cụ thể hóa các nội dung miêu tả, chỉ số đánh giá...

Chuẩn đầu ra cần phải được cụ thể hóa thông qua hệ thống các công cụ đánh giá. Bên cạnh việc xây dựng chuẩn đầu ra, cần phải xây dựng hệ thống đánh giá khoa học có tính ổn định và chính xác cao. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Cambridge ESOL Examinations (2011). *Using the CEFR - Principles of good practice*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [2] Council of Europe (2001). *Common European Framework of Reference for Languages: Learning, teaching, assessment*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [3] Cambridge English Language Assessment (2015). *Cambridge First Certificate of English - Handbook*

for teachers for exams from 2015. Cambridge: Cambridge University Press.

[4] Cambridge ESOL Examinations (2009). *Vocabulary list for PET*. Cambridge: Cambridge University Press.

[5] Ministry of Education, British Columbia (2010). *Kindergarten curriculum package*. www.bced.gov.bc.ca/irp.

TỔ CHỨC GIỜ ĂN TRƯA...

(Tiếp theo trang 137)

đa dạng các loại thức ăn, nhưng có trẻ chỉ ăn được một số thức ăn quen thuộc với trẻ. Khả năng ăn của trẻ phụ thuộc đặc điểm sinh lí cơ thể trẻ và kinh nghiệm của trẻ. Ví dụ: Nếu cô giáo, bố mẹ tập cho trẻ ăn nhiều loại thức ăn khác nhau thì trẻ sẽ biết ăn đa dạng các món ăn. Do đó, muốn cho trẻ ăn tốt, ăn đúng cách, ăn an toàn, ăn đa dạng các loại thức ăn thì cô giáo cũng như bố mẹ phải cho trẻ được trải nghiệm thực tế.

Dựa vào khả năng của trẻ mà cô giáo cần phải linh hoạt trong khi tổ chức bữa ăn cho trẻ; đảm bảo cho trẻ được cung cấp đủ dinh dưỡng nhưng không quá sức đối với trẻ, ăn theo nhu cầu của trẻ.

Như vậy, quan điểm giáo dục “lấy trẻ làm trung tâm” không nên chỉ hiểu trong phạm vi tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mà còn phải được áp dụng vào việc tổ chức hoạt động chăm sóc - nuôi dưỡng trẻ ở các trường mầm non và gia đình. Sức khỏe là trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần. Do đó, muốn trẻ có sức khỏe, phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần thì chúng ta phải thực hiện tốt công tác chăm sóc - giáo dục trẻ. Khi ứng dụng sáng tạo và linh hoạt quan điểm giáo dục lấy “trẻ làm trung tâm” tại các trường mầm non và các gia đình chúng ta sẽ từng bước đạt được mục tiêu của giáo dục mầm non: giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tinh cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Thị Châu - Nguyễn Thị Oanh - Trần Thị Sinh (2008). *Giáo dục học mầm non*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 9-45.
- [2] Lê Thị Mai Hoa (2009). *Vệ sinh Dinh dưỡng*. NXB Giáo dục Việt Nam; tr 180-185.
- [3] Trần Bá Hoàn (2003). *Dạy học lấy người học làm trung tâm*. Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục, số 96/2003, tr 1-3.
- [4] Tạ Thúy Lan - Trần Thị Loan (2009). *Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam; tr 100-121.
- [5] Vụ Giáo dục Mầm non (2009). *Chương trình Giáo dục mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.